

Số: 1781990

|                                            | Sorento Hybrid 1.6L Premium                           | Kia Sorento 2.5G Premium |
|--------------------------------------------|-------------------------------------------------------|--------------------------|
| <b>Giá niêm yết:</b>                       | <b>1.149.000.000đ</b>                                 | <b>999.000.000đ</b>      |
| <b>KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:</b>            |                                                       |                          |
| Kích thước tổng thể (mm)                   | 4810 x 1900 x 1700                                    | 4810 x 1900 x 1700       |
| Chiều dài cơ sở (mm)                       | 2815                                                  | 2815                     |
| Bán kính quay vòng tối thiểu (mm)          | 5780                                                  | 5780                     |
| Khoảng sáng gầm xe (mm)                    | 176                                                   | 176                      |
| Khối lượng không tải (kg)                  | 1950                                                  | 1730                     |
| Khối lượng toàn tải (kg)                   | 2580                                                  | 2360                     |
| Thể tích khoang hành lý (L)                | 357                                                   | 357                      |
| Dung tích thùng nhiên liệu (L)             | 67                                                    | 67                       |
| Số chỗ ngồi                                | 7                                                     | 7                        |
| Nguồn gốc                                  | SX-LR trong nước                                      | SX-LR trong nước         |
| <b>DẪN ĐỘNG - KHUNG GẮM:</b>               |                                                       |                          |
| Loại động cơ                               | Xăng 1.6T + Motor điện                                | Smartstream G2.5         |
| Dung tích xi lanh (cc)                     | 1598                                                  | 2497                     |
| Công suất cực đại (hp @ rpm)               | 178hp(ĐC Xăng) + 60hp(Motor điện),<br>227hp(kết hợp)  | 177 / 6000               |
| Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm)              | 265Nm(ĐC Xăng) + 264Nm(Motor điện),<br>350Nm(kết hợp) | 232 / 4000               |
| Hộp số                                     | 6AT                                                   | 6AT                      |
| Hệ thống dẫn động                          | Cầu trước (FWD)                                       | Cầu trước (FWD)          |
| Hệ thống treo trước                        | McPherson                                             | McPherson                |
| Hệ thống treo sau                          | Liên kết đa điểm                                      | Liên kết đa điểm         |
| Hệ thống phanh trước                       | Đĩa                                                   | Đĩa                      |
| Hệ thống phanh sau                         | Đĩa                                                   | Đĩa                      |
| Thông số lốp xe                            | 235/55 R19                                            | 235/55 R19               |
| Tiêu thụ nhiên liệu đô thị (L/100km)       | 5.9                                                   | 10.8                     |
| Tiêu thụ nhiên liệu ngoài đô thị (L/100km) | 5.8                                                   | 6.3                      |
| Tiêu thụ nhiên liệu hỗn hợp (L/100km)      | 5.9                                                   | 7.9                      |
| Chế độ lái                                 | Eco/Sport/Smart                                       | Comfort/Eco/Sport/Smart  |
| <b>NGOẠI THẤT:</b>                         |                                                       |                          |
| Cụm đèn trước                              | LED Projector                                         | LED Projector            |
| Đèn trước tự động chiếu xa/chiếu gần       | ●                                                     | ●                        |
| Đèn ban ngày LED                           | ●                                                     | ●                        |
| Đèn sương mù                               | LED                                                   | LED                      |
| Cụm đèn sau                                | LED                                                   | LED                      |
| Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện       | ●                                                     | ●                        |
| Gạt mưa tự động                            | ●                                                     | ●                        |
| Cửa sổ trời                                | ●                                                     | ●                        |
| <b>NỘI THẤT - TIỆN NGHI:</b>               |                                                       |                          |
| Vô lăng bọc da                             | ●                                                     | ●                        |
| Chất liệu ghế                              | Da                                                    | Da                       |
| Ghế người lái chỉnh điện                   | ●                                                     | ●                        |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh cơ         | ●                                                     | ●                        |
| Kính cửa sổ chỉnh điện                     | ●                                                     | ●                        |

|                                                 |                           |                        |
|-------------------------------------------------|---------------------------|------------------------|
| Màn hình đồng hồ đa thông tin                   | 12.3"                     | 12.3"                  |
| Màn hình giải trí trung tâm                     | AVN 10.25"                | AVN 10.25"             |
| Kết nối Apple Carplay/Android Auto              | ●                         | ●                      |
| Hệ thống điều hòa tự động                       | ●                         | ●                      |
| Số vùng khí hậu điều hòa                        | 2                         | 2 vùng                 |
| Cửa gió cho hàng ghế sau                        | ●                         | ●                      |
| Chìa khóa thông minh                            | ●                         | ●                      |
| Khởi động nút bấm                               | ●                         | ●                      |
| Khởi động từ xa                                 | ●                         | ●                      |
| Hệ thống âm thanh                               | 6 loa                     | 12 loa Bose            |
| Lấy chuyển số                                   | ●                         |                        |
| Sạc không dây Qi                                | ●                         | ●                      |
| Phanh đỗ điện tử                                | ●                         | ●                      |
| Giữ phanh tự động Autohold                      | ●                         | ●                      |
| Đèn trang trí nội thất                          | ●                         | ●                      |
| Rèm che nắng                                    | ●                         | ●                      |
| Móc khóa ghế trẻ em ISOFIX                      | -                         | -                      |
| <b>AN TOÀN:</b>                                 |                           |                        |
| Số túi khí                                      | 6                         | 6                      |
| Hệ thống chống bó cứng phanh ABS                | ●                         | ●                      |
| Hệ thống phân phối lực phanh EBD                | ●                         | ●                      |
| Hệ thống cân bằng điện tử                       | ●                         | ●                      |
| Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc HLA         | ●                         | ●                      |
| Mã hóa chống sao chép chìa khóa                 | ●                         | ●                      |
| Hệ thống cảnh báo chống trộm                    | ●                         | ●                      |
| Cảm biến hỗ trợ đỗ xe                           | Trước & Sau               | Trước & Sau            |
| Hệ thống cảnh báo điểm mù                       | ● ( hỗ trợ tránh va chạm) | ● (+ hiển thị điểm mù) |
| Hệ thống cảnh báo phương tiện cắt ngang khi lùi | ● ( hỗ trợ tránh va chạm) |                        |
| Hệ thống cảnh báo lệch làn đường                | ●                         |                        |
| Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường                   | ●                         |                        |
| Hệ thống hỗ trợ phanh chủ động                  | ●                         |                        |
| Hệ thống điều khiển hành trình thích ứng        | ●                         |                        |
| Hệ thống cảnh báo áp suất lốp                   | ●                         | ●                      |
| Camera lùi                                      | Camera 360                | Camera 360             |